SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA CẨM THỦY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1116/QĐ-BVCT

Cẩm Thủy, ngày 28 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua hóa chất bổ sung tháng 10 năm 2026

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA CẨM THỦY

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định 349/2026/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 134/2026/TT-BTC ngày 09 tháng 09 năm 2026 về quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính Phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ;

Thực hiện Công văn số 2182/STC-HCSN ngày 25/4/2024 của Sở Tài chính về việc mua sắm thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế và mua sắm phục vụ hoạt động tại các cơ sở y tế công lập;

Scanned with CamScanner

Căn cứ Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định 1550/QĐ-SYT ngày 11/09/2025 của Sở y tế Thanh Hóa về phê duyệt giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 1109/QĐ-BVCT ngày 26/10/2026 của Bệnh viện đa khoa Cẩm Thủy về việc phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện gói thầu: Mua hóa chất bổ sung tháng 10 năm 2026.

Theo đề nghị của Hội đồng mua sắm tại tờ trình ngày 27/10/2026 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu : Mua hóa chất bổ sung tháng 10 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua hóa chất bổ sung tháng 10 năm 2026 với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Hội đồng mua sắm được phân công tham gia gói thầu chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Hội đồng mua sắm các cá nhân, khoa phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 QĐ;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN ĐA KHOA CẨM THỦY

Nguyễn Đình Hải

Scanned with CamScanner

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Dự toán mua sắm: Mua hóa chất bổ sung tháng 10 năm 2026

(Kèm theo Quyết định số: 1116/QĐ-BVCT ngày 28/10/2026 của Bệnh viện đa khoa Cẩm Thủy)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Bệnh viện Đa khoa Cẩm Thủy	Mua hóa chất bổ sung tháng 10 năm 2026	Mua bổ sung sinh phẩm chẩn đoán, hóa chất xét nghiệm sử dụng tại Bệnh viện đa khoa Cẩm Thủy tháng 10 năm 2026	1.944.439.770	Nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Chào giá trực tuyến rút gọn qua mạng	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	60 ngày	Tháng 10/2026	Theo đơn giá cố định	180 ngày	Không
Tổng cộng				**1.944.439.770**								

Scanned with CamScanner

BẢNG CHI TIẾT KẾ HOẠCH

Dự toán mua sắm: Mua hóa chất bổ sung tháng 10 năm 2026

(Kèm theo Quyết định số: 1116/QĐ-BVCT ngày 28/10/2026 của Bệnh viện đa khoa Cẩm Thủy)

STT	STT phần	Mã hàng hóa	Nhóm HCXN	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)	Ghi Chú
	I	**HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY HUYẾT HỌC RT-7600, Hemaray 86; Hãng Rayto**								
1	1	HCXN1	KPN	Hóa chất rửa ống dẫn của máy phân tích huyết học	Hóa chất dùng làm chất rửa hệ thống ống, loại bỏ máu và các tạp chất tồn dư trong máy phân tích huyết học Thành phần chính: Dung dịch đệm <0,3%, Protease <0,2%	ml	20.000	2.550	51.000.000	
	II	**Máy phân tích HbA1c Model: GH-900 Plus Hãng/Nước sản xuất: Shenzhen Lifotronic Technology Co.,Ltd/Trung Quốc:**								
2	1	HCXN2	KPN	Cột sắc ký cho máy xét nghiệm HbA1c	Hộp chứa 1 cột sắc ký. Tương thích với máy xét nghiệm HbA1c, model: GH-900 Plus	Cái	6	22.000.000	132.000.000	
3	2	HCXN3	KPN	Bộ hóa chất cho máy xét nghiệm HbA1c	Bộ hóa chất này dùng để phân lập HbA1c từ mẫu bệnh phẩm ở người và được sử dụng để xác định định lượng hàm lượng HbA1c trong toàn bộ máu của cơ thể người bằng máy xét nghiệm HbA1c, model: GH-900 Plus, sử dụng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC). Bảo quản bộ thuốc thử ở 4~30°C. Phạm vi tham chiếu: 4,0% ~ 6,1%. Hiệu suất phân tích: 1. Độ nhạy: Giới hạn phát hiện <3% 2. Phạm vi đo: 3%~18% 3. Độ chính xác: Kiểm tra máy hiệu chuẩn nồng độ đã biết, nồng độ đo được và nồng độ của độ lệch tương đối của bộ hiệu chuẩn (Bias%) phải nằm trong khoảng ± 6%. 4. Độ chính xác trong quá trình xét nghiệm: CV≤3% 5. Độ chính xác giữa các lần xét nghiệm: CV≤3% Thành phần: Dung dịch rửa A, dung dịch rửa B, chất tán huyết L	Test	4.000	29.000	116.000.000	

Scanned with CamScanner

STT	STT phần	Mã hàng hóa	Nhóm HCXN	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)	Ghi Chú
4	3	HCXN4	KPN	Bộ kiểm chuẩn cho máy xét nghiệm	Vật liệu Kiểm soát HbA1c được dùng để kiểm soát chất lượng xét nghiệm huyết sắc tố glycated (HbA1c) trên máy phân tích huyết sắc tố. Thành phần: Dung dịch tan máu từ máu toàn phần của người đông khô. Bảo quản ở -20°C sau khi pha 30 ngày. Hiệu suất phân tích: 1. Độ đồng nhất trong chai: CV<3%. 2. Độ đồng nhất giữa các chai: CV<3%. Tương thích với máy xét nghiệm HbA1c, model: GH-900 Plus	Hộp	6	1.450.000	8.700.000	
5	4	HCXN5	KPN	Bộ hiệu chuẩn cho máy xét nghiệm	Bộ hiệu chuẩn HbA1c được thiết kế để hiệu chuẩn xét nghiệm glycated hemoglobin (HbA1c) trên máy phân tích hemoglobin. Thành phần: Dung dịch tan máu từ máu toàn phần của người đông khô. Bảo quản ở -20°C sau khi pha 30 ngày. Hiệu suất phân tích 1. Độ đồng nhất trong chai: CV<3%. 2. Độ đồng nhất giữa các chai: CV<3%. Tương thích với máy xét nghiệm HbA1c, model: GH-900 Plus	Hộp	6	1.450.000	8.700.000	
	III	**HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY SINH HÓA A15, A25 và BA400 HÃNG BIOSYTEMS - TÂY BAN NHA**								
6	1	HCXN6	KPN	Chất chuẩn cho xét nghiệm HDL/LDL CHOLESTEROL DIRECT	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HDL Cholesterol và LDL Cholesterol; Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô	ml	6	389.000	2.334.000	
7	2	HCXN7	KPN	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol HDL	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HDL cholesterol; Thành phần: Thuốc thử A chứa đệm MES 100 mmol/L, polyme, 4-aminoantipyrin 0,5 mmol/L, chất tẩy rửa, pH 6,5; Thuốc thử B chứa đệm MES 50mmol/L, cholesterol esterase 1,0 U/mL, peroxidase 1,0 U/mL, cholesterol oxidase 0,5 U/mL, N-ethyl-N-(2-hydroxy-3-sulfopropyl)-3-methylanilin (TOOS) 4,5 mmol/L, chất tẩy rửa, pH 5,5; Phương pháp: Đo quang, Direct TOOS; Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết tương; Dải đo: 7,66 - 180 mg/dL (0,2 – 4,66 mmol/L); Giới hạn phát hiện: 1,90 mg/dL (0,05 mmol/L); Độ lặp lại: CV ≤ 4%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 5,5%	ml	1.200	48.000	57.600.000	

Scanned with CamScanner

STT	STT phần	Mã hàng hóa	Nhóm HCXN	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)	Ghi Chú
8	3	HCXN8	KPN	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng LDL cholesterol	Thuốc thử xét nghiệm định lượng LDL cholesterol; Thành phần: Thuốc thử A chứa đệm MES 50 mmol/L, cholesterol esterase > 0,2 U/mL, cholesterol oxidase < 1,0 U/mL, 4-aminoantipyrin 0,5 mmol/L, peroxidase > 1,0 U/mL, chất tẩy rửa, chất bảo quản, pH 6,6; Thuốc thử B chứa đệm MES 50 mmol/L, N-ethyl-N-(2hydroxy-3-sulfopropyl)-3-methylanilin (TOOS) 1,0 mmol/L, chất tẩy rửa, chất bảo quản, pH 6,6; Phương pháp: Đo quang, Direct TOOS; Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết tương; Dải đo: 8,42 - 700 mg/dL (0,22 - 18,1 mmol/L); Giới hạn phát hiện: 2,79 mg/dL (0,07 mmol/L); Độ lặp lại: CV ≤ 2,5%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 6%	ml	1.200	71.000	85.200.000	
9	4	HCXN9	KPN	Hóa chất xét nghiệm Triglycerides	Thuốc thử xét nghiệm định lượng triglycerid; Thành phần: Thuốc thử chứa đệm Pipes (piperazin-N,N'-bis(acid 2-ethanesulfonic)) 45 mmol/L, magnesi acetat 5 mmol/L, 4-clorophenol 6 mmol/L, lipase > 100 U/mL, glycerol kinase > 1,5 U/mL, glycerol-3-phosphat oxidase > 4 U/mL, peroxidase > 0,8 U/mL, 4-aminoantipyrin 0,75 mmol/L, ATP 0,9 mmol/L, pH 7; Phương pháp: Quang phổ, Glycerol Phosphate Oxidase/Peroxidase; Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết tương; Giới hạn phát hiện: 4,4 mg/dL (0,05 mmol/L); Giới hạn tuyến tính: 600 mg/dL (6,78 mmol/L); Độ lặp lại: CV ≤ 3%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 3%	ml	2.000	11.500	23.000.000	
10	5	HCXN10	KPN	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ethanol	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ethanol; Thành phần: Thuốc thử A chứa đệm PIPES 100 mmol/L, chất bảo quản, pH 7,9; Thuốc thử B chứa đệm PIPES 50 mmol/L, NAD 15 mmol/L, alcohol dehydrogenase (ADH) > 18 KU/L, chất bảo quản, pH 6,2; Phương pháp: Quang phổ, Alcohol Dehydrogenase; Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết tương, Nước tiểu; Giới hạn phát hiện: 8,11 mg/dL (1,76 mmol/L); Giới hạn tuyến tính: 300 mg/dL (65,1 mmol/L); Độ lặp lại: CV ≤ 3,5%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 4,5%	ml	486	54.000	26.244.000	

Scanned with CamScanner

STT	STT phần	Mã hàng hóa	Nhóm HCXN	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)	Ghi Chú
11	6	HCXN11	KPN	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatine Kinase-MB (CK-MB)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CK-MB mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Thành phần: A. Thuốc thử: Kháng thể kháng CK-M người có khả năng ức chế 2000 U/L CK-M; Imidazol 125 mmol/L; EDTA 2 mmol/L; magie acetat 12,5 mmol/L; D-glucose 25 mmol/L; N-acetyl cystein 25 mmol/L; hexokinase 6800 U/L; NADP 2,4 mmol/L; pH 6,1. B. Thuốc thử: Creatine phosphate 250 mmol/L; ADP 15,2 mmol/L; AMP 25 mmol/L; P1,P5-di(adenosine-5'-) pentaphosphate 103 µmol/L; glucose-6-phosphate dehydrogenase 8800 U/L.	ml	200	73.000	14.600.000	
	IV	**Test thử nước tiểu sử dụng cho máy phân tích nước tiểu Combilyzer 13 thông số - Human**								
12	1	HCXN12	KPN	Test thử dùng cho máy phân tích nước tiểu 13 thông số	Que thử nước tiểu để đọc trực quan hoặc dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu. Bao gồm 13 thông số: - Urobilinogen: Diazonium salt 0.3% - Bilirubin: Diazonium salt 0.6% - Ketones: Sodium nitroprusside 5.9% - Creatinine: 3,5-Dinitrobenzoic acid 4.5% - Blood: Diisopropylbenzene-dihydroperoxide 26.0%, Tetramethylbenzidine 1.6% - Protein: Tetra bromophenol blue 0.2% - Microalbumin: Sulfonephthalein 2.4% - Nitrite: p-Arsanilic acid 1.4%, Tetrahydroquinoline 0.9% - Leucocytes: Pyrroleamino acid ester 4.3%, Diazonium salt 0.5% - Glucose: Glucose oxidase 1.8%, Peroxidase 0.4%, Potassium iodide 0.3% - Specific Gravity: Bromothymol blue 4.8%, Poly (methyl vinyl ether/maleic anhydride) 90.6% - pH: Bromocresol green 3.6%, Bromothymol blue 55.1% - Ascorbic acid: 2,6-Dichlorophenolindophenol 1.0% Hạn mở nắp: 1 tháng ở 2 - 30 oC ở nơi khô ráo, không bảo quản trong tủ lạnh Đóng gói: 100 tests/hộp	Test	15.000	11.000	165.000.000	

Scanned with CamScanner

STT	STT phần	Mã hàng hóa	Nhóm HCXN	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)	Ghi Chú
	V	**HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH HÓA PHÁT QUANG. MODEL: MAGICL6000. HÃNG SẢN XUẤT: GETEIN BIOTECH/TRUNG QUỐC**								
13	1	HCXN13	KPN	Cups và Tips	Vật tư tiêu hao dùng cho Máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang tự động.	Bộ	80	500.000	40.000.000	
14	2	HCXN14	KPN	Hóa chất xét nghiệm định lượng β-HCG	Hóa chất dùng cho Máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang tự động.	Test	200	52.500	10.500.000	
	VI	**HOÁ CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY HUYẾT HỌC - MODEL: HUMACOUNT 60TS; 80TS - HÃNG SX: HUMAN/ĐỨC**								
15	1	HCXN15	KPN	Dung dịch pha loãng cho máy phân tích huyết học tự động	Dung dịch pha loãng sử dụng cho các máy huyết học dòng HumaCount - Thành phần: Sodium chloride 2.5 g/l (0.25 %) Inorganic phosphate buffer 5.6 g/l (0.56 %) Sodium sulphate 10 g/l (1 %) EDTA < 1 g/l (< 0.1 %) Preservative (sodium azide) < 0.5 g/l (< 0.05 %) -Đóng gói: 1x 20L - TCCL: CE, ISO 13485	ml	600.000	168	100.800.000	
16	2	HCXN16	KPN	Thuốc thử sử dụng cho máy phân tích huyết học	Dung dịch ly giải hồng cầu sử dụng cho các máy huyết học dòng HumaCount - Thành phần: Quaternary ammonium salt 27 g/l (2.7 %) Detergent (Tergitol TMN6) 0,02% Preservative (Ethylhexadecylammonium bromide) 1 g/l (0,1%) Sodium sulfate 1 g/l (0,1%) - Đóng gói: 2x1L - Độ bền sau mở nắp: 90 ngày - TCCL: CE, ISO 13485	ml	16.000	2.650	42.400.000	
	VII	**HOÁ CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO CÁC MÁY HUYẾT HỌC CELLTAC α; MEK-7300, MEK-8222; MEK-9100, MEK -1301; Celltac G. HÃNG NIHON KONDEN**								

Scanned with CamScanner

STT	STT phần	Mã hàng hóa	Nhóm HCXN	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)	Ghi Chú
17	1	HCXN17	KPN	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học 5 thành phần bạch cầu để đo Hemoglobin cho máy	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Độ pH: ≥7.6 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Dodecyltrimethylammonium chloride: < 3.0%, Cetrimonium chloride: < 0.1%, Citric acid monohydrate: < 2.0%	ml	2.000	11.600	23.200.000	
	VIII	**HÓA CHẤT, VẬT TƯ SỬ DỤNG CHO MÁY PHÂN TÍCH ĐIỆN GIẢI - ISE 5000 - HÃNG: SFRI SAS/PHÁP**								
18	1	HCXN18	KPN	Hóa chất điện giải	Dung dịch sử dụng cho việc phân lượng sodium,potassium, chloride, canxium và pH trong mẫu huyết thanh trên máy ISE 5000 Buffer < 0.1% Muối Inorganic < 3.0% Chất bảo quản < 0.05%	ml	15.000	13.000	195.000.000	
	IX	**HOÁ CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HOÁ TỰ ĐỘNG CHEMRAY420**								
19	1	HCXN19	KPN	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglycerides	Hóa chất để định lượng nồng độ triglycerid trong huyết thanh và huyết tương Thành phần: Gồm R1 và R2: R1: - Tris: 100mmol/L - ATP: 0.15mmol/L - DHBS: 1.2mmol/L) - Glycerol-3-phosphate oxidase: 3.8KU/L - Glycerol kinase: 1.0KU/L - Peroxidase: 0.6KU/L R2: - Tris: 100mmol/L - Lipoprotein lipase: 4.2KU/L - 4-aminophenazone: 0.5mmol/L	ml	1.000	10.200	10.200.000	
20	2	HCXN20	KPN	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol	Hóa chất để định lượng nồng độ cholesterol toàn phần trong huyết thanh và huyết tương Thành phần: Gồm R1 và R2: R1: - MOPSO: 50mmol/L - 4-aminophenazone:0.4mmol/L - p-Hydroxybenzoic acid: 13.5mmol/L - POD: 0.4KU/L R2:	ml	1.500	7.100	10.650.000	

Scanned with CamScanner

STT	STT phần	Mã hàng hóa	Nhóm HCXN	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)	Ghi Chú
					- MOPSO: 50mmol/L - CHO: 0.3KU/L - CHE: 1.0KU/L					
21	3	HCXN21	KPN	Hóa chất kiểm soát dùng cho phản ứng CRP mức 2	Hóa chất kiểm soát dùng cho phản ứng CRP mức 2	ml	5	550.000	2.750.000	
22	4	HCXN22	KPN	Hóa chất kiểm soát dùng cho phản ứng CRP mức 3	Hóa chất kiểm soát dùng cho phản ứng CRP mức 3	ml	5	550.000	2.750.000	
23	5	HCXN23	KPN	Hóa chất để định lượng nồng độ protein C-reactive	Hóa chất để định lượng nồng độ protein C-reactive trong huyết thanh Thành phần: Gồm R1, R2 và Calibrator: - R1: phosphate buffer - R2: hỗn dịch hạt sensitized latex kháng CRP (người) - Calibrator: Protein C-reactive và chất bảo quản	ml	2.000	65.000	130.000.000	
24	6	HCXN24	KPN	Dung dịch rửa cho máy sinh hóa	Nước rửa sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa Rayto Thành phần chính: Chất hoạt động bề mặt	ml	10.000	1.350	13.500.000	
25	7	HCXN25	KPN	Hóa chất cài đặt cho xét nghiệm CK-MB	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CK-MB	ml	3	200.000	600.000	
26	8	HCXN26	KPN	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho xét nghiệm CK-MB	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm CK-MB mức 1	ml	5	150.000	750.000	
27	9	HCXN27	KPN	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho xét nghiệm CK-MB	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm CK-MB mức 2	ml	5	150.000	750.000	
28	10	HCXN28	KPN	Hóa chất sinh hóa CK-MB	Hóa chất để định lượng nồng độ CK-MB trong huyết thanh và huyết tương Thành phần: Gồm R1 và R2: R1: - Imidazole: 100mmol/L - NADP+: 2.5mmol/L - NAC: 20mmol/L - G-6-PDH: 3KU/L - Glucose: 20mmol/L - ADP: 2mmol/L - HK: 4KU/L - CK-M antibody: 2KU/L R2: - CP: 30mmol/L - NAC: 20mmol/L - G-6-PDH: 3KU/L	ml	88	132.000	11.616.000	

Scanned with CamScanner

STT	STT phần	Mã hàng hóa	Nhóm HCXN	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)	Ghi Chú
	X	**HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY PHÂN TÍCH HUYẾT HỌC TỰ ĐỘNG. MODEL: MEDONIC M-SERIES M32S BD AR. HÃNG SX: BOULE MEDICAL AB/THỤY ĐIỂN**								
29	1	HCXN29	KPN	Dung dịch pha loãng	Thành phần: Salts for isotonic stability: <2.0% Antimicrobials: <0.1% Buffering agents: <0.5% Có RFID trên thùng Đóng gói: 1x20L Tương thích với máy huyết học Medonic M-Series: CV: RBC≤1.8%; MCV≤1.5%; HGB≤1.5%; PLT≤4.8%; WBC≤3.5%.	ml	400.000	290	116.000.000	
30	2	HCXN30	KPN	Dung dịch ly giải	Thành phần: Quaternary ammonium salts: <0.5% Salts: <1.5% Có RFID trên thùng Đóng gói: 1 x 5L Tương thích với máy huyết học Medonic M-Series: CV: RBC≤1.8%; MCV≤1.5%; HGB≤1.5%; PLT≤4.8%; WBC≤3.5%.	ml	125.000	1.240	155.000.000	
	XI	**HÓA CHẤT, VẬT TƯ SỬ DỤNG CHO MÁY PHÂN TÍCH ĐIỆN GIẢI 6 THÔNG SỐ Model : EXIAS e|1 - Hãng EXIAS Medical GmbH/ Áo**								
31	1	HCXN31	KPN	Thuốc thử xét nghiệm định lượng 6 thông số điện giải	Mục đích sử dụng: để định lượng các chất điện giải Natri (Na+) Kali (K+) Canxi ion hóa (Ca2+) và Clorua (Cl-) cũng như pH và Hematocrit (Hct) trong máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương, nước tiểu chưa pha loãng và các dịch cơ thể khác của người. - Quy cách: 600 test/hộp	Test	6.000	24.000	144.000.000	
	XII	**HÓA CHẤT, VẬT TƯ SỬ DỤNG CHO MÁY PHÂN TÍCH ĐÔNG MÁU - COAPRESTA 2000**								
32	1	HCXN32	KPN	Cóng đo mẫu	Mô tả: Cóng đựng dung dịch phản ứng gồm mẫu và hóa chất Thành phần: cóng nhựa, trong suốt	cái	5.000	14.000	70.000.000	
	XIII	**NƯỚC GIẶT DÙNG CHO MÁY GIẶT**								

Scanned with CamScanner

STT	STT phần	Mã hàng hóa	Nhóm HCXN	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)	Ghi Chú
33	1	HCXN33	KPN	Nước Giặt Chính	Thành Phần : Las 12%, Sless 2%, Citric acid 5%, Ethoxylate Alcohol 18%, Nước 55%, các chất phụ gia khác 8%	Can	29	1.758.400	50.993.600	
34	2	HCXN34	KPN	Nước Giặt Tạo Kiềm	Thành phần: Nước 63%, Natri Hydroxit 30%, Canxi Cacbonat 5%, phụ gia 2%.	Can	29	1.375.020	39.875.580	
35	3	HCXN35	KPN	Nước Giặt Trung Hoà	Thành phần: Nước 70%, Axitclohydric 2%, Axit citric 15%,Axit Oxalic 11%, các chất phụ gia khác 2%	Can	21	1.406.800	29.542.800	
36	4	HCXN36	KPN	Nước Xả Vải	Thành phần: Nước 80%, chất hoạt động bề mặt anion hóa (acid Stearic) 4%, Propan - 2- ol 8%, hương liệu và chất phụ gia 8%.	Can	18	1.339.200	24.105.600	
37	5	HCXN37	KPN	Hóa chất tẩy trắng	Thành phần :Sodium Hypochlorite 12%	Can	17	550.800	9.363.600	
38	6	HCXN38	KPN	Hóa chất tẩy máu	Thành phần: Hydrogen peroxide 50%	Can	19	1.037.610	19.714.590	
	Tổng:		**Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm bốn mươi bốn triệu, bốn trăm ba mươi chín nghìn, bảy trăm bảy mươi đồng**						**1,944,439,770**	

Scanned with CamScanner